



Ánh sáng

FLUX S1PS SANDAL

FLUXS1PSAN

Sandal nhẹ và dễ vệ sinh, không chứa kim loại nặng.

Dép Flux S1PS là cho công việc c nh a trong môi khô ráo. Dép có đế ngoài PU/RTB có tính chống tĩnh điện, mũi dép bằng nanocarbon nhẹ và bền chắc. Khóa dán giúp dễ dàng mang vào và tháo ra nhanh chóng.

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
Đế bên trong	Chất liệu tái chế
Đế ngoài	Ốp SJ
Đế lót	Chất chống tĩnh điện
Đế lót	PU / PU
Đế lót	Nanocarbon
Loại	S1 PS / SR, F0, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
Trọng lượng	0.502 kg
Chuẩn	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



BLK



WHT



Mũi giày an toàn bằng nano-carbon
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, không chứa kim loại nặng.

Phần trên thoáng khí
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ của bàn chân lâu hơn.

SR (Slip Resistance)
Chống trượt nước, dầu, mỡ, chất lỏng, chất rắn, chất lỏng, chất rắn, chất lỏng, chất rắn.

ESD
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và gây ra bắt lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.

Kim loại
Giày an toàn không có giày len siêu nhỏ. Không sử dụng cap. Lorica là sản phẩm có khả năng chống nước, chống thấm và dễ dàng vệ sinh. Đạt chứng chỉ HACCP nghiêm ngặt.

Lorica
Lorica là sản phẩm có khả năng chống nước, chống thấm và dễ dàng vệ sinh. Đạt chứng chỉ HACCP nghiêm ngặt.

Công nghiệp n:

Biện pháp , lĩnh vực ô tô, Ngành công nghiệp p

ường: Môi

ư ở n khô, bề mặt không bằng phẳng, Bề mặt cứng mịn

Các hướng dẫn bảo trì:

áo dài t Da giày, chúng tôi khuyên bạn nên vệ sinh giày thường xuyên và bảo vệ chúng bằng cách chà nhám trên lớp

Sự miêu tả

Đơn vị đo lường

đơn vị đo lường

EN ISO 20345

Những vật liệu **Lorica**

cao cấp hơn

Top: khả năng chống nước

đơn vị đo lường

1.80

? 0.8

Top: độ bền

đơn vị đo lường

17

? 15

ót bên trong

đệm lót

Lớp lót: khả năng chống nước

đơn vị đo lường

49.8

? 2

lót: độ bền

đơn vị đo lường

398.8

? 20

rong

Độ bền SJ

Độ bền chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)

chu kỳ

Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles

25600/12800

goài

Độ bền PU / PU

Chống mài mòn (ngoài)

mm

40.9

? 150

Chống trượt - Ceramic + NaLS - Trượt ở phía trước

ma sát

0.49

? 0.31

Chống trượt - Gốm + NaLS - Trượt ở phía trước

ma sát

0.48

? 0.36

Chống trượt - SR + Glycerin - Trượt ở phía trước

ma sát

0.30

? 0.19

Chống trượt - SR + Glycerin - Trượt ở phía trước

ma sát

0.25

? 0.22

Điện trở tĩnh điện

megaohm

18.7

0.1 - 1000

Điện trở tĩnh điện

megaohm

5.2

0.1 - 100

Hấp thụ năng lượng

J

30

? 20

Độ bền gót **Nanocarbon**

Mũi giày an toàn chống va đập (khả năng cách sau va đập 100J)

mm

N/A

N/A

Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 10kN)

mm

N/A

N/A

Mũi giày an toàn chống va đập (khả năng cách sau va đập 200J)

mm

15.5

? 14

Mũi giày an toàn chống nén (khả năng cách sau khi nén 15kN)

mm

21.5

? 14

Kích thước thép: 42

Chú ý: Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa. Nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý trước.

**SAFETY
JOGGER**
WORKS

**HEAD-TO-TOE
PROTECTION**

ENGINEERED
IN EUROPE

www.safetyjogger.com